

Số: 192 /BC-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính
trong tháng 10 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Đề cương báo cáo hằng tháng về kết quả thực hiện các nội dung theo Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính từ ngày 23 tháng 9 năm 2023 đến ngày 22 tháng 10 năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cải cách việc quy định thủ tục hành chính (TTHC)

1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính

- Đã đánh giá tác động đối với TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: **0**

- Đã thẩm định đối với TTHC quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: **0**

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: **0**.

1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính

- Ban hành Quyết định số 3744/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung Danh mục 37 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành 02 Quyết định¹ phê duyệt Phương án tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục “Chứng thực bản sao từ bản chính” và tái cấu trúc quy trình thực hiện 3 thủ tục hành chính về “Giao dịch bảo đảm”.

- Ban hành Quyết định² thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp, theo đó kiến nghị Bộ Tư pháp cắt giảm thành phần hồ sơ “Giấy tờ chứng minh công chứng viên là hội viên Hội công chứng viên tại địa phương” tiết kiệm được chi phí 2.072.720 đồng/năm, thời gian đi lại nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Báo cáo đề xuất Văn phòng Chính phủ phương án cắt giảm các quy định liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp đối với 10 TTHC thuộc 05 lĩnh vực, bao gồm: Nội vụ (04 TTHC), Xây dựng (01 TTHC), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 TTHC), Tư pháp (03 TTHC) và Lao động – Thương binh và Xã hội (01 TTHC)³.

1.3. Tổng số thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: không

2. Về cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính

2.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính

Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 10 năm 2023, điểm trung bình nhóm chỉ số công bố, công khai đạt 15/18 điểm, cụ thể:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn đạt 100%, tỷ lệ TTHC công khai, cập nhật đúng hạn đạt 97,67%.

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó hồ sơ đã đồng bộ 431.676 (đạt 99,31%), hồ sơ chưa đồng bộ 3.015 (đạt 0,69%).

- Thực hiện thường xuyên việc rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

¹ Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 và Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

² Quyết định số 3684/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

³ Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phương án cắt giảm các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp.

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 48.118 hồ sơ, trong đó bao gồm: 37.864 hồ sơ tiếp nhận mới (trực tuyến: 25.052 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 12.812 hồ sơ), 10.254 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 37.185 hồ sơ, trong đó bao gồm: 34.232 hồ sơ giải quyết trước hạn, 2.894 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 59 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 10.945 hồ sơ.

2.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

- Trong tháng 10 năm 2023, số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến là 25.052/37.864 đạt tỷ lệ 66,2% (tăng 37,9%). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, bao gồm: Sở Công Thương (2.859 hồ sơ), Sở Giao thông vận tải (1.487 hồ sơ), Sở Tư pháp (825 hồ sơ) có số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến chiếm tỷ trọng lớn; các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Văn hóa và Thể thao, Ngoại vụ có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ 100%. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn, huyện Phù Mỹ, thị xã An Nhơn, huyện Tây Sơn, huyện Vĩnh Thạnh và các xã, phường, thị trấn của các thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Phù Mỹ, huyện Tuy Phước, huyện Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, huyện Hoài Ân có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ trên 50% (*Phụ lục 1 kèm theo*).

- Giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trong tháng 10 năm 2023 là 27.155 giao dịch (tăng 23,9% giao dịch). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và Ủy ban nhân dân các huyện: Tây Sơn, An Lão và thị xã Hoài Nhơn; các xã, phường, thị trấn của thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Tây Sơn, huyện Vân Canh (*Phụ lục 2 kèm theo*).

- Về việc triển khai 02 nhóm TTHC liên thông “Khai sinh, khai tử”: (i) Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi phát sinh: 2.011 hồ sơ trực tuyến; (ii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú phát sinh: 185 hồ sơ trực tuyến; (iii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí phát sinh: 423 hồ sơ trực tuyến.

2.4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 88,1%, trong đó cấp tỉnh đạt 97,5% (tăng 14% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 87,4% (tăng 39,5% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 84,1% (tăng 7,7% so với cùng kỳ tháng trước).

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 76,8%, trong đó cấp tỉnh đạt 84,9% (tăng 1,4% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt

60,2% (tăng 12,3% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 86,9% (tăng 10,5% so với cùng kỳ tháng trước).

- Tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh đạt 93,9% (giảm 0,2% so với cùng kỳ tháng trước), trong đó cấp tỉnh đạt 96,4% (tăng 4,4% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 92,4% (giảm 4,6% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 94,4% (tăng 1,2% so với cùng kỳ tháng trước).

2.5. Kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và 22 hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu khác.

3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 18 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 12 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 6 phản ánh.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Việc cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được rà soát, tái cấu trúc theo hướng cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gắn kết với việc khai thác Cơ sở dữ liệu dân cư, dữ liệu số hóa phục vụ người dân, doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần.

- Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục có sự chuyển biến và tăng về số lượng giao dịch so với cùng kỳ tháng 9 năm 2023.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc tái cấu trúc mẫu đơn, tờ khai đối với 100% thủ tục hành chính đảm bảo cắt giảm 20% thông tin đã khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không phải khai báo lại thực hiện còn chậm.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương⁴ chưa quan tâm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về công tác cải cách TTHC trong tháng 10 năm 2023.

⁴ Một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, bao gồm: 05 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Công an tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; 05 Sở, ban: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc; 10 UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, An Nhơn, Tây Sơn, Quy Nhơn, Tuy Phước, Hoài Ân, Văn Canh, Phù Cát, An Lão.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn vẫn còn tại một số địa phương, đơn vị (tổng số hồ sơ trễ hạn của cả tỉnh trong tháng 10 năm 2023 là 59 hồ sơ).

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THÁNG 11 NĂM 2023

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ còn lại theo Công văn số 70/TCTCCTTHC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung một số nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Tiếp tục rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định theo Công văn số 70/TCTCCTTHC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng cắt giảm các thông tin không phải khai báo, cung cấp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (các trường thông tin đã khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo mục tiêu cắt giảm ít nhất 20% thông tin phải khai báo.

3. Tập trung rà soát, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai Đề án 06, gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa cải cách TTHC với chuyển đổi số quốc gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 452/TTg-KSTT ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Thông báo số 238/TB-VPCP ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Văn phòng Chính phủ:

- Bổ sung quyền quản trị đối với tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của tỉnh được phép phân quyền cho các sở, ban, ngành của tỉnh theo dõi, quản lý đối với các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành chủ quản để nâng cao chất lượng kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương.

- Theo Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định “kết quả giải quyết thủ tục hành chính” là giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số hóa. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai, Bình Định nhận thấy một số kết quả giải quyết thủ tục hành chính như: (i) Mua quyền hóa đơn, (ii) Mua hóa đơn lẻ, (iii) Thông báo hoạt động khuyến mại, (iv) Thông báo thành lập tổ hợp tác, không thể số hóa kết quả và cũng không phục vụ cho mục đích tái sử dụng. Do đó, Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, có hướng dẫn để địa phương thực hiện đối với các trường hợp tương tự, không làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá chỉ số số hóa của tỉnh.

2. Đề nghị Văn phòng Chính phủ kiến nghị Bộ, ngành liên quan một số nội dung như sau:

- Kiến nghị Bộ Y tế chia sẻ thông tin, dữ liệu hồ sơ đang thực hiện tiếp nhận và xử lý trên hệ thống của Bộ Y tế theo Thông tư số 18/2019/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành” đối với 03 TTHC: (i) Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B, (ii) Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D, (iii) Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế trong lĩnh vực trang thiết bị và công trình y tế để tạo điều kiện cho địa phương giám sát, thống kê đảm bảo đúng quy định. Đồng thời, đề nghị Bộ Y tế khi công bố các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý kịp thời công khai đầy đủ Quyết định kèm theo Phụ lục nội dung chi tiết cụ thể từng thủ tục hành chính để địa phương nghiên cứu, rà soát công bố Danh mục thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.

- Kiến nghị các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng kịp thời cập nhật các trường hợp miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính⁵ để công bố các thủ tục hành chính liên quan thuộc phạm vi chức năng quản lý, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để địa phương công bố Danh mục thủ tục hành chính đảm bảo tính thống nhất, đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng BTC Nguyễn Đức Chi (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT^(C).

Thao



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

⁵ Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Phụ lục 1
THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
I	Cấp tỉnh	6604	8187	80,6
1	Sở Du lịch	5	5	100
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	58	58	100
3	Sở Khoa học và Công nghệ	4	4	100
4	Sở Ngoại vụ	2	2	100
5	Sở Nội vụ	175	175	100
6	Sở Thông tin và Truyền thông	9	9	100
7	Sở Tài chính	7	7	100
8	Sở Văn hóa và Thể thao	30	30	100
9	Sở Công Thương	2859	2860	99,97
10	Sở Y tế	231	232	99,57
11	Sở Tư pháp	825	831	99,28
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư (*)	19	20	95
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	401	446	89,91
14	Sở Xây dựng	209	236	88,56
15	Sở Giao thông vận tải	1487	1728	86,05
16	Ban Quản lý khu kinh tế	12	20	60
17	Sở Lao Động -Thương binh và Xã hội	41	75	54,67
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	230	1449	15,87
19	Ban Dân tộc	-	-	-
II	Cấp huyện	6992	13141	53,2
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	2362	2588	91,27
2	UBND huyện Phù Mỹ	911	1073	84,9
3	UBND thị xã An Nhơn	1212	1525	79,48
4	UBND huyện Tây Sơn	1234	1657	74,47
5	UBND huyện Vĩnh Thạnh	117	182	64,29
6	UBND huyện An Lão	293	589	49,75
7	UBND huyện Vân Canh	72	240	30
8	UBND TP. Quy Nhơn	525	2050	25,61
9	UBND huyện Hoài Ân	92	438	21
10	UBND huyện Tuy Phước	100	1308	7,65
11	UBND huyện Phù Cát	74	1491	4,96

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyển	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyển, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
II	Cấp xã	11456	16536	69,2
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	1758	1801	97,61
2	UBND thị xã An Nhơn	942	1037	90,84
3	UBND huyện Phù Mỹ	1805	2128	84,82
4	UBND huyện Tuy Phước	1566	1891	82,81
5	UBND huyện Tây Sơn	1673	2215	75,53
6	UBND TP. Quy Nhơn	1925	2754	69,9
7	UBND huyện Hoài Ân	404	807	50,06
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	251	515	48,74
9	UBND huyện Phù Cát	804	2177	36,93
10	UBND huyện Vân Canh	155	543	28,55
11	UBND huyện An Lão	173	668	25,9
	Tổng cộng I+II+III	25052	37864	66,2

Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 23/9/2023 đến ngày 22/10/2023./.

(*) Chưa tính dữ liệu trên phần mềm chuyên ngành.

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH THANH TOÁN
TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
1	Sở Du lịch	5	5	100
2	Sở Khoa học và Công nghệ	2	2	100
3	Sở Y tế	325	325	100
4	Sở Tư pháp	983	983	100
5	Sở Thông tin và Truyền thông	12	12	100
6	Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội	14	14	100
7	Sở Văn hóa và Thể thao	2	2	100
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	328	340	96,47
9	Sở Công Thương	27	28	96,43
10	Sở Xây dựng	101	105	96,19
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	1162	1209	96,11
12	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	8	11	72,73
13	Sở Giao thông vận tải	3372	6698	50,34
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	-
15	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	-	-
17	Sở Nội vụ	-	-	-
18	Sở Ngoại vụ	-	-	-
19	Thanh Tra tỉnh	-	-	-
20	Sở Tài chính	-	-	-
	Tổng số 1	6341	9735	65,14
STT	Đơn vị cấp huyện	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
1	UBND huyện Tây Sơn	1162	1162	100
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	1530	1530	100
3	UBND huyện An Lão	173	173	100
4	UBND thị xã An Nhơn	1299	1317	98,63
5	UBND huyện Vân Canh	208	219	94,98
6	UBND huyện Phù Mỹ	751	827	90,81
7	UBND TP. Quy Nhơn	1547	1716	90,15
8	UBND huyện Hoài Ân	293	330	88,79
9	UBND huyện Phù Cát	959	1114	86,09
10	UBND huyện Vĩnh Thạnh	106	137	77,37

11	UBND huyện Tuy Phước	105	948	11,08
	Tổng số 2	8133	9473	85,85
STT	Các xã, phường, thị trấn của cấp huyện	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	1286	1287	99,92
2	UBND TP. Quy Nhơn	2008	2010	99,9
3	UBND huyện Tây Sơn	1878	1880	99,89
4	UBND thị xã An Nhơn	967	969	99,79
5	UBND huyện Vân Canh	465	467	99,57
6	UBND huyện Tuy Phước	1516	1548	97,93
7	UBND huyện Phù Mỹ	1933	1984	97,43
8	UBND huyện Hoài Ân	484	528	91,67
9	UBND huyện Phù Cát	1547	1775	87,15
10	UBND huyện Vĩnh Thạnh	381	450	84,67
11	UBND huyện An Lão	216	269	80,3
	Tổng số 3	12681	13167	96,31
	Tổng số 1+2+3	27155	32375	83,88

Ghi chú: Số liệu tính từ ngày 23/9/2023 đến ngày 22/10/2023 (thống kê theo ngày thanh toán)./.